

Bản án số: 237/2023/DS-PT

Ngày: 15/12/2023

V/v: tranh chấp hứa thưởng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: - Ông Đặng Văn Lộc

- Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hứa thưởng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2023/QĐXX-PT, ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1988. Địa chỉ: tổ S, ấp Mỹ Thạnh A1, xã Mỹ Th, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp Mỹ Thới M, xã Mỹ H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2023) (có mặt).

2. Bị đơn:

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: số nhà 172, đường Lê Văn D, khóm B, phường Cái V, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Anh Lê Thành L, sinh năm 1981. Nơi thường trú: ấp Tân Tr2, xã Tân B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ nơi làm việc: phường Cái V, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Phạm Văn T và anh Lê Thành L là anh Nguyễn Tô N, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp Phú Trí B, xã Phú H1, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2023) (Có mặt).

3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Tường D, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh B, xã Mỹ Th, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

-Anh Dương Quốc V1, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp Thuận Tiên A, xã Thuận A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Do có kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy A là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11 tháng 10 năm 2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2020, chị A mua 12 công đất ruộng của anh D, chỉ làm giấy tay. Đến ngày 06/10/2021, chị A bán lại 12 công đất này cho anh T thông qua sự giới thiệu của anh V1 (không có hoa hồng). Cùng thời điểm đó chị A giới thiệu cho anh T mua thêm 18 công đất còn lại của anh D, như vậy anh T mua tổng số là 30 công đất (trong đó 12 công đất chị A mua của anh D rồi bán lại cho anh T và 18 công của anh D do chị A là người giới thiệu). Khi chị A giới thiệu cho anh T mua 18 công đất của anh D thì anh D có hứa cho chị A 2% tiền hoa hồng là 39.000.000đ. Đến khi anh T giao tiền mua đất cho anh D thì anh T giữ lại số tiền 119.000.000đồng (trong đó 80.000.000đ chi phí để làm giấy tờ và 39.000.000đ tiền hoa hồng). Đến ngày 29/6/2022, tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Th, anh T nói chia cho anh L 20.000.000đ tiền hoa hồng, chỉ đưa lại cho chị A 19.000.000đ qua hình thức chuyển khoản, chị A không đồng ý nên không nhận. Vì vậy chị A khởi kiện yêu cầu anh Phạm Văn T và anh Lê Thành L có trách nhiệm trả lại cho chị toàn bộ số tiền 39.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất ngân hàng Agribank là 7,2/năm tương đương với 0,6%/tháng kể từ ngày 29/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 5 năm 2023 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Văn T do anh Nguyễn Tô N đại diện trình bày:

Vào năm 2022, thông qua sự giới thiệu của anh V1, anh có mua của anh D 12 công đất với giá 130.000.000đ/công, sau đó anh V1 tiếp tục giới thiệu cho anh mua thêm 18 công đất của anh D nằm liền kề với 12 công đất đã mua trước đó với giá 125.000.000đ/công. Đất này mua dùm cho ông Nguyễn Ngọc M1. Đồng thời, anh V1 thỏa thuận với anh tiền hoa hồng 39.000.000đ sẽ chia đôi với anh.

Ngày 29/6/2022, anh và anh D ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Th, anh D đưa tiền hoa hồng bán đất là 39.000.000đ, khi đó anh mới biết chị A (chị A đi chung với anh V1). Anh nói chị A hoặc anh V1 đưa số tài khoản, anh sẽ chuyển khoản cho anh V1 hoặc chị A số tiền 19.500.000đ, nhưng chị A không đồng ý. Sau đó, chị A và anh V1 đã nhiều lần tìm gặp anh yêu cầu giao đủ số tiền hoa hồng mua bán đất là 39.000.000đ, anh chỉ đồng ý giao 19.000.000đ, còn lại 20.000.000đ là tiền của anh. Nay anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị A về việc giao số tiền hoa hồng mua bán đất là 39.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng.

Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 5 năm 2023 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Thành L do anh Nguyễn Tô N đại diện trình bày:

Năm 2022, anh V1 giới thiệu cho anh T mua đất của anh D, do anh đang làm việc tại Ngân hàng nên anh T nhờ anh thẩm định thửa đất có đủ điều kiện để vay vốn hay không. Sau khi thẩm định, anh có báo với anh T là thửa đất anh T nhờ thẩm định không đủ điều kiện vay vốn.

Anh chỉ là người đi thẩm định thửa đất, còn tiền hoa hồng mua bán đất theo chị A trình bày anh không biết, không liên quan gì nên anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị A về việc đòi trả tiền hoa hồng mua bán đất là 39.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 4 năm 2023 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng Nguyễn Tường D trình bày:

Lúc đầu anh bán cho chị A 12 công đất với giá 108.000.000đ/công, chỉ làm giấy tay, chị A đã trả cho ông được ½ số tiền mua đất. Khoảng 7, 8 tháng sau thì chị A bán lại cho anh T 12 công đất đã mua của anh và giới thiệu bán giúp anh 18 công đất còn lại. Anh bán cho anh T 18 công đất với giá 125.000.000đ/công, chị A bán cho anh T 12 công đất với giá 130.000.000đ/công. Ngày 29/6/2022 anh ra UBND xã Mỹ Th ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên 30 công đất cho anh T.

Khi chị A giới thiệu bán giúp anh 18 công đất thì anh có hứa cho chị A 2% tiền hoa hồng là 39.000.000đ. Ngày 29/6/2022 tại UBND xã Mỹ Th, anh T thiếu lại anh số tiền 119.000.000đ (trong đó có 80.000.000đ là chi phí làm giấy tờ và 39.000.000đ là tiền hoa hồng để trả cho chị A), anh và chị A đều đồng ý để anh T đưa tiền hoa hồng cho chị A. Tuy nhiên, sau đó giữa chị A và anh T xảy ra tranh chấp về số tiền 39.000.000đ, anh T chỉ đồng ý chuyển khoản trả cho chị A 50% của số tiền 39.000.000đ, nhưng chị A không đồng ý. Việc anh T và chị A thỏa thuận như thế nào về chia số tiền 39.000.000đ thì anh không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng Dương Quốc V1 trình bày:

Anh có giới thiệu cho chị A và bạn của chị A mua 12 công đất của anh D. Sau đó anh giới thiệu cho anh L đến mua lại 12 công đất của chị A với giá 130.000.000đ/công, việc giới thiệu này không có hoa hồng. Còn việc anh D bán 18 công đất cho anh T là do chị A giới thiệu. Chị A và anh D thỏa thuận là anh D sẽ cho chị A 2% hoa hồng nếu anh D bán được 18 công đất. Anh L đưa tiền cho anh T đặt cọc cho anh D lần 1 là 500.000.000đ, lần 2 là 200.000.000đ, số tiền còn lại khi ký sang tên thì anh T giao cho anh D, anh T còn giữ lại số tiền 119.000.000đ trong đó tiền làm giấy tờ là 80.000.000đ và 39.000.000đ anh T nói anh L kêu giữ lại và kêu chị A đưa số tài khoản để chuyển số tiền hoa hồng 19.000.000đ, nhưng chị A không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Anh không giới thiệu cho anh L và anh T mua 18 công đất của anh D. Việc giới thiệu mua 18 công đất của anh D là do chị A giới thiệu. Anh không nhận số tiền hoa hồng nào từ phía anh T và anh L. Anh xin vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tại bản án dân sự số 65/2023/DS-ST ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy A về việc buộc anh Phạm Văn T và anh Lê Thành L có trách nhiệm hoàn trả số tiền hoa hồng mua bán đất là 39.000.000đ và tiền lãi là 3.588.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/10/2023 chị Nguyễn Thị Thúy A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, buộc anh Phạm Văn T và anh Lê Thành L có trách nhiệm trả lại số tiền 39.000.000đ và lãi suất 7,2%/năm, tương đương 0,6%/tháng, kể từ ngày 29/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh Lê Thành L và rút lại yêu cầu đòi trả tiền lãi. Chỉ yêu cầu anh Phạm Văn T trả số tiền 39.000.000đ, vì anh T đang quản lý số tiền này.

Anh Nguyễn Tô N là người đại diện hợp pháp của anh L đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với anh L. Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi anh T trả số tiền 39.000.000đ, anh T không đồng ý, nhưng anh N thừa nhận anh T đang quản lý số tiền 39.000.000đ và cho rằng trong số tiền này có một phần hai của anh Dương Quốc V1, đồng ý trả tiền cho anh V1, không đồng ý trả cho bà A.

Anh Dương Quốc V1 trình bày: anh chỉ giới thiệu cho anh T mua 12 công đất đầu tiên và giới thiệu bán đất nhà nên không có hưởng hoa hồng. Đối với số tiền 39.000.000đ là tiền hoa hồng của chị A giới thiệu anh T mua 18 công đất của anh D và anh D hứa cho chị A, không liên quan đến anh và anh cũng không có yêu cầu anh T phải trả cho anh.

Anh Nguyễn Tường D trình bày: anh có nhờ chị A giới thiệu để anh chuyển nhượng 18 công đất và có hứa cho chị A tiền hoa hồng 39.000.000đ. Khi anh và anh T ký hợp đồng chuyển nhượng tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Th có mặt chị A, lúc giao nhận tiền anh T giữ lại 39.000.000đ tiền hoa hồng thì anh và chị A đồng ý để anh T giao lại cho chị A số tiền này. Anh không có hứa cho anh T hay anh L tiền hoa hồng trong việc chuyển nhượng đất. Sau đó anh T không đồng ý chuyển số tiền 39.000.000đ cho chị A nên xảy ra tranh chấp. Anh không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự.

Về nội dung: áp dụng khoản 2 Điều 284, các khoản 2, 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 2 Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu buộc anh L có trách nhiệm trả cho chị A số tiền 39.000.000đ và yêu cầu buộc anh T, anh L phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng Agribank là 7,2%/năm, tương đương 0,6%/tháng, kể từ ngày 29/6/2022 cho đến ngày xét xử.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

Buộc anh Phạm Văn T có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị Thúy A số tiền 39.000.000đ.

Về án phí dân sự: do kháng cáo của chị A được chấp nhận nên sửa án phí sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí sơ thẩm 1.950.000đ, các đương sự khác không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 09/10/2023, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 19/10/2023 nguyên đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Lê Thành L có nghĩa vụ trả số tiền 39.000.000đ và yêu cầu buộc anh T, anh L phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng Agribank là 7,2%/năm, tương đương 0,6%/tháng, kể từ ngày 29/6/2022 cho đến ngày xét xử, do nguyên rút yêu cầu và người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Lê Thành L đồng ý.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn;

Số tiền 39.000.000đ mà chị Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu anh Phạm Văn T phải trả bắt nguồn từ việc anh Nguyễn Tường D có nhờ chị A giới thiệu để chuyển nhượng đất và anh D có hứa nếu chuyển nhượng được 18 công đất sẽ cho chị A số tiền trên. Thông qua sự giới thiệu của chị A, anh D đã chuyển nhượng cho anh T 18 công đất. Tại phiên tòa phúc thẩm anh D cũng thừa nhận có hứa cho chị A tiền hoa hồng là 39.000.000đ. Tuy thỏa thuận này không lập

thành văn bản, nhưng các bên đều thừa nhận nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vào ngày 29/6/2022, tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh T và anh D ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhận tiền, đổi với phần đất mà chị A giới thiệu cho anh T nhận chuyển nhượng của anh D. Khi hai bên giao, nhận tiền có mặt chị A, anh D đồng ý cho anh T thiếu lại số tiền 119.000.000đ, trong đó có 39.000.000đ tiền hoa hồng của chị A và chị A cũng đồng ý để anh T giao số tiền này cho chị. Như vậy anh D đã chuyển giao nghĩa vụ cho anh T, anh T và chị A đồng ý là phù hợp theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Tô N thừa nhận anh T đang giữ số tiền 39.000.000đ, tuy nhiên anh T cho rằng trong số tiền 39.000.000đ có một phần hai của anh Dương Quốc V1 và một phần hai của anh T là không có căn cứ, vì anh V1 khẳng định anh không có liên quan đến số tiền 39.000.000đ mà anh D hứa cho chị A. Ngoài lời trình bày anh T không cung cấp đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Mặc dù việc giới thiệu chuyển nhượng đất của chị A chỉ bằng lời nói, không lập thành văn bản, nhưng các bên đương sự đều thừa nhận là anh D có hứa cho chị A 39.000.000đ tiền hoa hồng và số tiền này anh T đang quản lý. Đây là một giao dịch dân sự được các bên thừa nhận, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng luật kinh doanh bất động sản để xử không chấp nhận yêu cầu của chị A là không phù hợp. Do đó cần phải sửa án sơ thẩm về nội dung này, xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hứa thưởng” theo quy định tại Điều 570 Bộ luật dân sự 2015. Nghĩa vụ này đã được chuyển giao cho anh T nên buộc anh T có nghĩa vụ trả lại cho chị A số tiền 39.000.000đ là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên sửa lại án phí. Buộc anh Phạm Văn T phải chịu 5% án phí đối với số tiền phải trả chị A là: $39.000.000đ \times 5\% = 1.950.000đ$.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Thúy A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000đ (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012939 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị Thúy A không phải chịu án phí. Hoàn trả chị A 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012208 ngày không rõ tháng 10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 299, các khoản 2, 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy A;
Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 370 và Điều 570 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Lê Thành L có nghĩa vụ trả số tiền 39.000.000đ và yêu cầu buộc anh T, anh L phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng Agribank là 7,2%/năm, tương đương 0,6%/tháng, kể từ ngày 29/6/2022 cho đến ngày xét xử, do nguyên rút yêu cầu và người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Lê Thành L đồng ý.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy A;

Buộc anh Phạm Văn T có nghĩa vụ hoàn trả chị Nguyễn Thị Thúy A số tiền 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án) đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: buộc anh Phạm Văn T phải chịu 1.950.000đ (một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Thúy A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012939 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên chị A không phải chịu án phí. Hoàn trả chị A 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012208 ngày không rõ tháng 10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- TAND thị xã Bình Minh;
- CCTHADS thị xã Bình Minh.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình